

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI V-LIFE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI V-LIFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: V-LIFE TRADE AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: V-LIFE TRADE AND IMPORT EXPORT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109532115

**3. Ngày thành lập:** 25/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 42 phố Dương Văn Bé, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936534455

Fax:

Email: [kimhaiaqua@gmail.com](mailto:kimhaiaqua@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                     | 4722        |
| 2.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                       | 4723        |
| 3.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                             | 5621        |
| 4.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                        | 1071        |
| 5.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                | 1075        |
| 6.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                 | 4711        |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                   | 4719        |
| 8.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                    | 4620        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                   | 4632        |
| 10. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                      | 1010        |
| 11. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                              | 1020        |
| 12. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                         | 1030        |
| 13. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                  | 1073        |
| 14. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                              | 1104        |
| 15. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài). | 4610        |
| 16. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                         | 1074        |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                     | 5610        |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động bán đấu giá)                                                                                                                                               | 4791        |
| 19. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                         | 4690(Chính) |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                              | 5630        |
| 21. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                     | 4633        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 23. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                  | 1050        |
| 24. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                       | 1072        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.                                                                                                 | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐOÀN THỊ THANH LOAN  | Số 144, tổ 13, đường Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | 5.000.000.000         | 50,000    | 015191000467                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HỒNG LINH | Số 86, tổ 35, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 5.000.000.000         | 50,000    | 001198020393                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN THỊ THANH LOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/04/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 015191000467

Ngày cấp: 26/05/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 144, tổ 13, đường Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 144, tổ 13, đường Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội